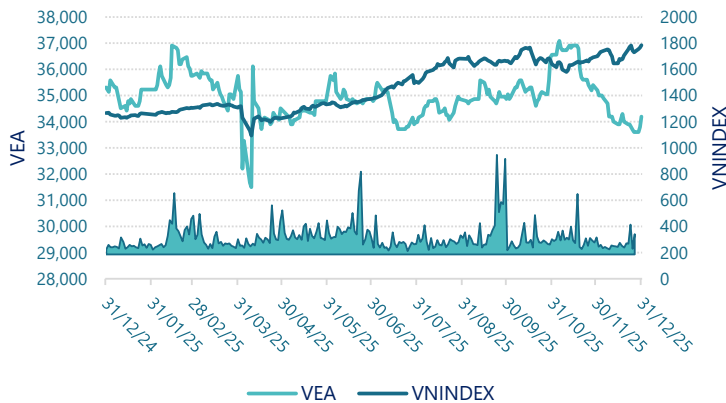




Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (UPCOM: VEA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,089
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,499
SL cổ phiếu LH	1,328,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	291,425
% sở hữu nước ngoài	1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45,445
P/E	6.2
EPS	5,512

DT thuần

Q4/25

1,289

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 199 | 18.2%

YoY: ▲ 142 | 12.3%

LN sau thuế

Q4/25

2,165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 344 | 18.9%

YoY: ▼ 332 | -13.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

170%

+/- YoY: ▼ 15.7%

DT thuần

2025

4,466

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 363 | 8.8%

LN sau thuế

2025

7,395

tỷ VNĐ

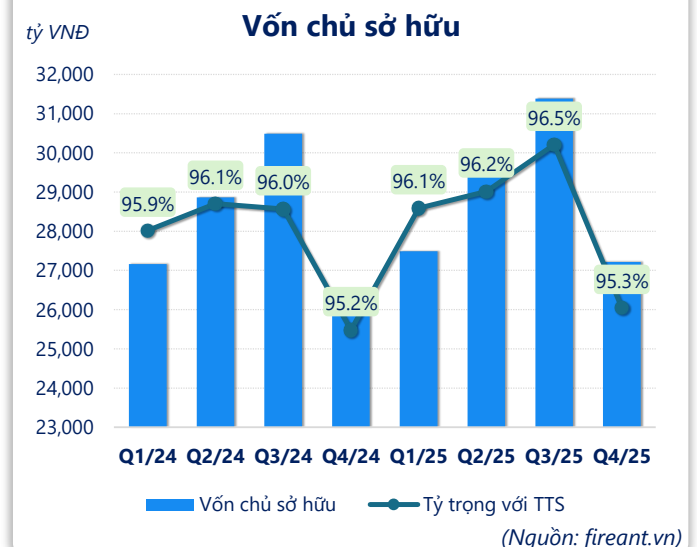
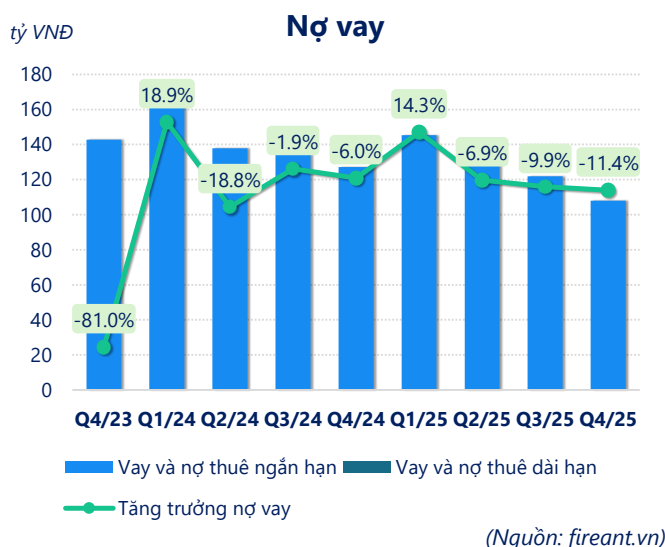
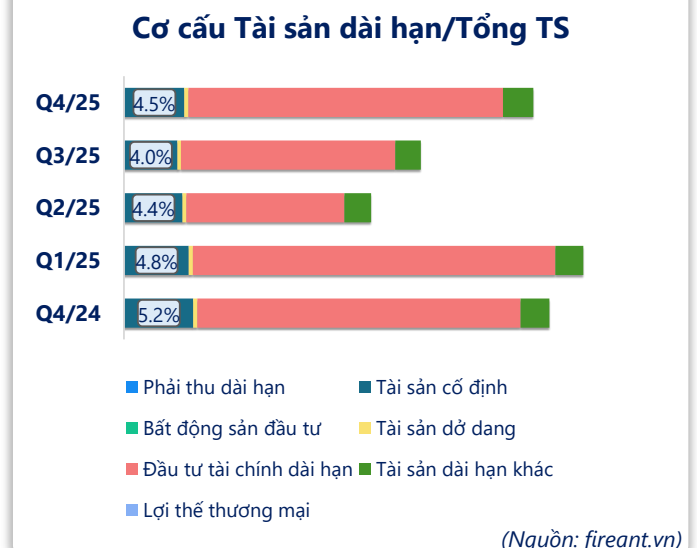
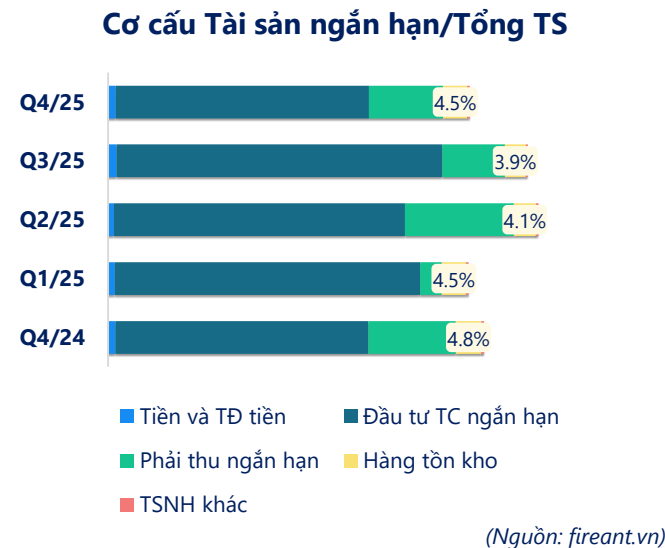
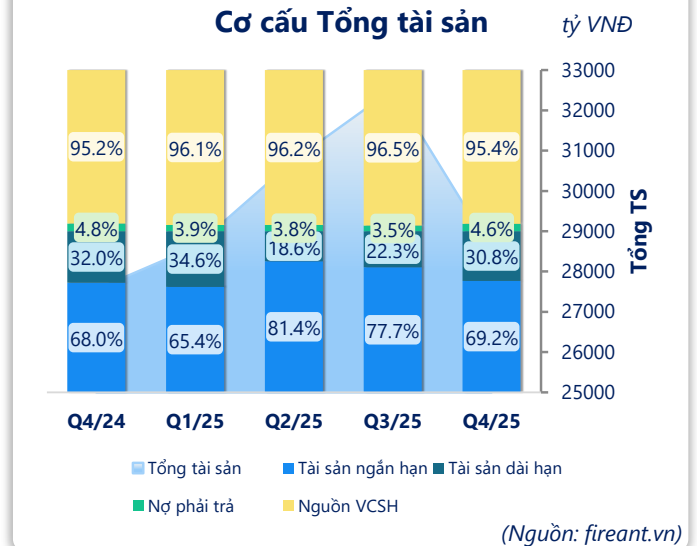
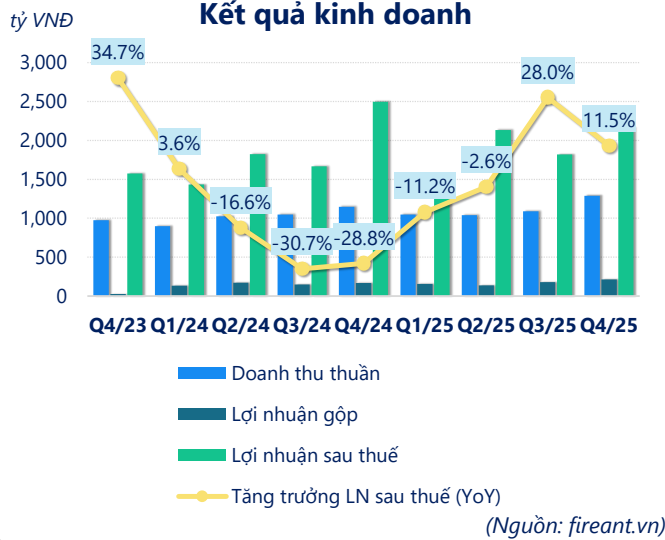
YoY: ▼ 37.0 | -0.5%

ROE

2025

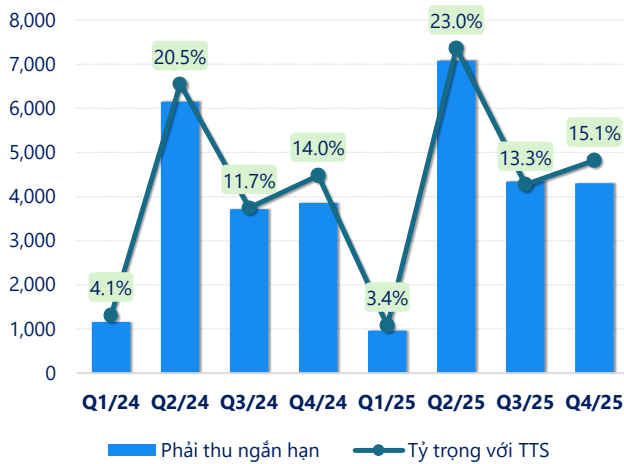
27.4%

+/- YoY: ▼ 0.9%



tỷ VNĐ

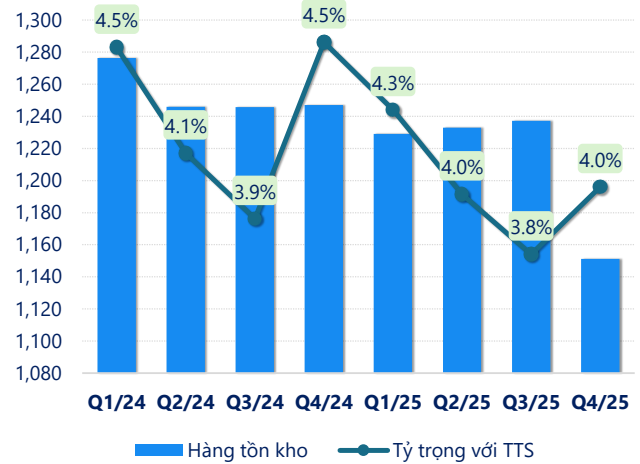
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

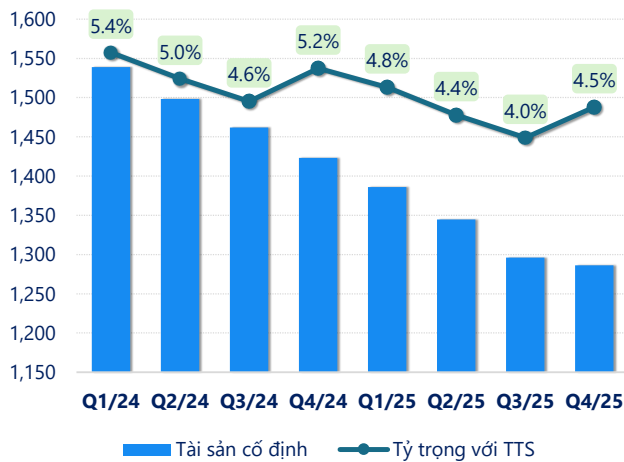
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

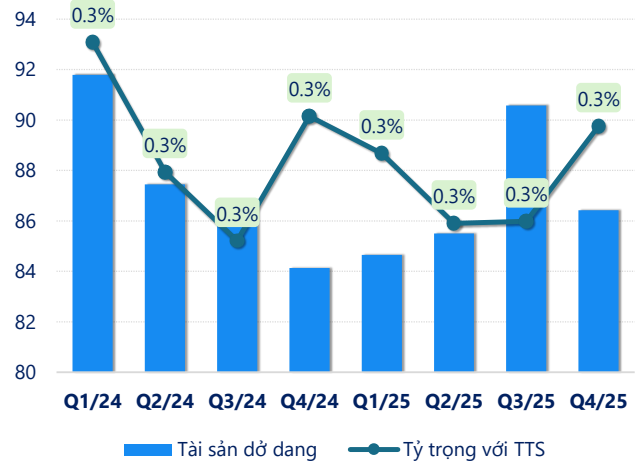
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

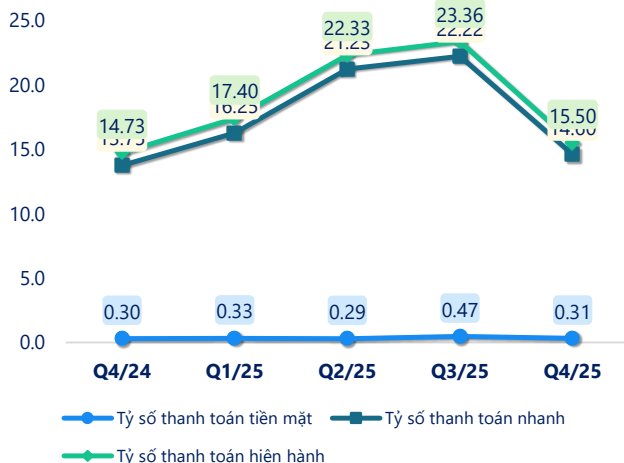
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



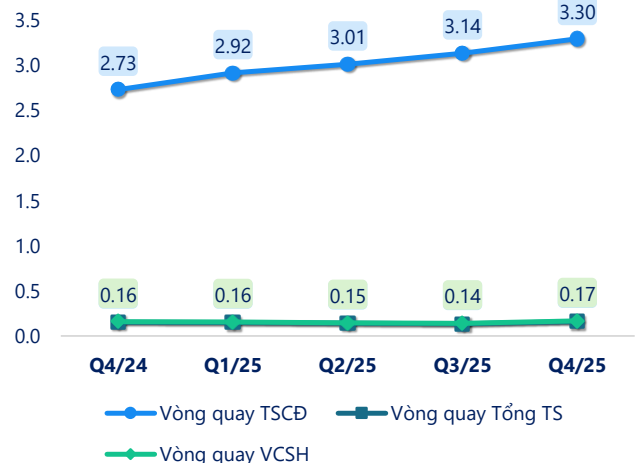
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	27,562	28,618	30,762	32,524	28,542
Tài sản ngắn hạn	18,740	18,728	25,040	25,262	19,754
Tiền và tương đương tiền	379	354	329	510	400
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,130	16,041	16,261	19,038	13,766
Phải thu ngắn hạn	3,854	966	7,076	4,341	4,300
Hàng tồn kho	1,247	1,229	1,233	1,237	1,151
Tài sản ngắn hạn khác	130	138	140	137	137
Tài sản dài hạn	8,822	9,890	5,722	7,261	8,788
Phải thu dài hạn	11.4	10.8	11.5	11.3	11.0
Tài sản cố định	1,423	1,386	1,345	1,296	1,286
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	84.1	84.7	85.5	90.6	86.4
Đầu tư tài chính dài hạn	6,705	7,804	3,661	5,236	6,757
Tài sản dài hạn khác	599	605	619	627	648
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,324	1,127	1,175	1,134	1,325
Nợ ngắn hạn	1,272	1,077	1,122	1,081	1,274
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	145	135	122	108
Phải trả người bán ngắn hạn	355	290	295	256	299
Nợ dài hạn	51.3	50.7	53.8	53.0	51.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	26,238	27,491	29,586	31,389	27,217
Vốn chủ sở hữu	26,236	27,489	29,584	31,386	27,214
Vốn điều lệ	13,288	13,288	13,288	13,288	13,288
Kinh phí và quỹ khác	2.48	2.34	2.22	3.16	2.84

(Nguồn: fireant.vn)